

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung)
Hội Người mù huyện Tuy Phước

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP;

Xét đề nghị của UBND huyện Tuy Phước tại Tờ trình số 172/UBND-NV ngày 08 tháng 3 năm 2018 và đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 269/TTr-SNV ngày 26 tháng 4 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Người mù huyện Tuy Phước đã được Đại hội lần thứ II của Hội thông qua ngày 22 tháng 12 năm 2017.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch Hội Người mù huyện Tuy Phước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. *ƯV*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBND huyện Tuy Phước;
- Lưu: VT, K12.



Nguyễn Tuấn Thanh

**ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)
HỘI NGƯỜI MÙ HUYỆN TUY PHƯỚC**
(*Phê duyệt kèm theo Quyết định số 1482/QĐ-UBND
ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh*)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Tên gọi, tôn chỉ, mục đích

1. Tên gọi: Hội Người mù huyện Tuy Phước.
2. Tôn chỉ, mục đích:

Hội Người mù huyện Tuy Phước (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội của những người mù trên địa bàn huyện, Hội được thành lập nhằm tạo điều kiện để người mù động viên, giúp đỡ nhau trong việc học chữ, học nghề, ổn định cuộc sống, góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Điều 2. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.
2. Trụ sở của Hội đặt tại số nhà 69, đường Đào Tấn, thị trấn Tuy Phước, huyện Tuy Phước.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức, phạm vi hoạt động

1. Hội được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc:
 - a) Tự nguyện, tự quản
 - b) Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch
 - c) Tự bảo đảm kinh phí hoạt động
 - d) Không vì mục đích lợi nhuận
 - đ) Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.
2. Hội là thành viên của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Tuy Phước và Hội Người mù tỉnh Bình Định.
3. Hội hoạt động trong phạm vi huyện Tuy Phước, chịu sự quản lý nhà nước của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Tuy Phước.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA HỘI

Điều 4. Nhiệm vụ

1. Tập hợp, đoàn kết hội viên, hướng dẫn hội viên chấp hành đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; làm tròn nghĩa vụ công dân; chấp hành Điều lệ và Nghị quyết của Hội.

2. Động viên hội viên phát huy tinh đồng tâm, đoàn kết, yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau về tinh thần và vật chất, cùng phấn đấu vươn lên trong cuộc sống, hoà nhập cộng đồng.

3. Tổ chức, tạo điều kiện phục hồi chức năng, dạy chữ, dạy nghề, tạo việc làm cho hội viên, giúp hội viên nâng cao trình độ văn hoá và nghề nghiệp, ổn định cuộc sống.

4. Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật.

5. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyền hạn

1. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội.

3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Hội và hội viên.

4. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật; kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực hoạt động của Hội.

5. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.

6. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động của Hội phù hợp với quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.

7. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 6. Tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của Hội là công dân Việt Nam từ 15 tuổi trở lên, hiện đang sinh

sống, làm việc trên địa bàn huyện Tuy Phước, có thị lực 0,5/10 (sau khi chỉnh kính cả 2 mắt, chỉ đếm được ngón tay khi đặt bàn tay cách mắt 3 mét trở lại), không phân biệt nguyên nhân mù, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, giới tính, nếu tán thành Điều lệ Hội và tự nguyện xin gia nhập Hội thì được xem xét, công nhận là hội viên của Hội.

2. Hội viên muốn gia nhập Hội hay ra khỏi Hội phải làm đơn gửi Ban Chấp hành Hội. Trình tự, thủ tục kết nạp hội viên, cho ra khỏi Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

Điều 7. Quyền của hội viên

1. Tham gia các sinh hoạt của Hội, được thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội.
2. Được ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan lãnh đạo của Hội.
3. Được Hội tạo điều kiện phục hồi chức năng, học tập, làm việc, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, được Hội giúp đỡ khi đời sống gặp khó khăn.
4. Được đề xuất, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các vấn đề có liên quan đến hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Nghĩa vụ của hội viên

1. Chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ, Nghị quyết và các quyết định khác của Hội.
2. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích và các hoạt động của Hội; vận động người mù trên địa bàn huyện gia nhập Hội.
3. Tham gia các hoạt động của Hội và hoàn thành tốt nhiệm vụ được Hội phân công; sinh hoạt Hội và đóng hội phí đúng quy định.
4. Thường xuyên rèn luyện phục hồi chức năng, tham gia học tập, lao động sản xuất và tự lực vươn lên trong cuộc sống.
5. Đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để cùng phấn đấu thực hiện mục đích của Hội.

Chương IV TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI

Điều 9. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội
2. Ban Chấp hành
3. Ban Thường trực
4. Ban Kiểm tra
5. Văn phòng Hội. 

Điều 10. Đại hội

1. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 năm một lần, do Ban Chấp hành Hội đương nhiệm triệu tập.

2. Ban Chấp hành có thể triệu tập Đại hội bất thường để giải quyết những vấn đề cấp bách của Hội, theo đề nghị của ít nhất 2/3 tổng số Ủy viên Ban Chấp hành hoặc ít nhất 1/2 số hội viên chính thức.

3. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 số đại biểu chính thức có mặt.

4. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận, thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ và phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội.

b) Thảo luận, thông qua Điều lệ sửa đổi, bổ sung; đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có).

c) Bầu Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra.

d) Thông qua Nghị quyết Đại hội.

5. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định.

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được hơn 1/2 đại biểu chính thức có mặt tán thành.

Điều 11. Ban Chấp hành

1. Ban Chấp hành do Đại hội bầu trong số các hội viên của Hội. Ban Chấp hành gồm từ 03 đến 07 ủy viên. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Đại hội và lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa 2 kỳ Đại hội.

b) Chuẩn bị nội dung chương trình và các tài liệu trình Đại hội, Hội nghị Ban Chấp hành. Quyết định triệu tập Đại hội.

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội. Thông qua kế hoạch và quyết toán tài chính hàng năm của Hội.

d) Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành; Quy chế quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của Hội phù hợp với quy định của pháp luật. 

đ) Bầu Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Ban Thường trực; bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không được quá 1/3 so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

e) Giải quyết các vấn đề phát sinh giữa các kỳ Đại hội.

g) Quyết định kỷ luật các Ủy viên Ban Chấp hành, Ban Thường trực.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

b) Ban Chấp hành họp 03 tháng một lần. Các cuộc họp Ban Chấp hành được coi là hợp lệ khi có mặt ít nhất 2/3 tổng số Ủy viên Ban Chấp hành.

c) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua bằng hình thức biểu quyết theo Quy chế Ban Chấp hành.

Điều 12. Ban Thường trực

1. Ban Thường trực do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành, gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và một số ủy viên; số lượng thành viên Ban Thường trực do Ban Chấp hành quyết định.

2. Ban Thường trực có nhiệm vụ:

a) Thực hiện các chủ trương, Nghị quyết của Ban Chấp hành, lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành.

b) Quyết định các vấn đề tổ chức, tài sản, tài chính, hội viên của Hội; hướng dẫn hoạt động của các tổ chức trực thuộc Hội.

c) Chuẩn bị nội dung các kỳ họp của Ban Chấp hành, báo cáo công việc đã làm trong Hội nghị Ban Chấp hành.

Điều 13. Chủ tịch và các Phó Chủ tịch

1. Chủ tịch do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành, là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật. Chủ tịch Hội có nhiệm vụ và quyền hạn:

a) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành.

b) Tổ chức triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội và Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành.

c) Triệu tập và chủ trì cuộc họp của Ban Chấp hành Hội.

d) Phân công các thành viên trong Ban Chấp hành thực hiện nhiệm vụ của



Hội.

đ) Chủ tài khoản của Hội.

2. Các Phó Chủ tịch do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Các Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội điều hành hoạt động của Hội, được Chủ tịch phân công nhiệm vụ và có thể được ủy quyền điều hành công việc của Ban Chấp hành khi Chủ tịch vắng mặt.

Điều 14. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra gồm Trưởng ban và các ủy viên do Ban Chấp hành bầu, Ban Kiểm tra có nhiệm kỳ cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát Ban Chấp hành, Ban Thường trực, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, các tổ chức của Hội và tất cả hội viên trong việc chấp hành Điều lệ Hội, Nghị quyết Đại hội, Quy chế quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của Hội.

b) Kiểm tra, thông báo và kiến nghị xử lý các vấn đề do Ban Chấp hành hoặc hội viên đề nghị.

c) Kiến nghị Ban Chấp hành tổ chức phiên họp bất thường khi có vấn đề cần thiết liên quan đến Hội.

Điều 15. Văn phòng Hội

1. Văn phòng Hội hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành phê duyệt.

2. Nhân sự của Văn phòng Hội do Ban Thường trực Hội phê duyệt, quyết định.

3. Kinh phí hoạt động hàng năm của Văn phòng Hội do Thư ký dự trù trình Ban Chấp hành phê chuẩn.

Chương V

CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 16. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và đổi tên và giải thể Hội

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN CỦA HỘI

Điều 17. Tài chính của Hội

1. Nguồn thu của Hội gồm:

a) Nguồn tài trợ, ủng hộ của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp


6

luật (nếu có).

b) Khoản thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

c) Hội phí của hội viên.

2. Khoản chi của Hội:

a) Chi cho các hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội.

b) Chi hỗ trợ cho hội viên gặp khó khăn.

c) Chi cho công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 18. Tài sản của Hội

Tài sản của Hội bao gồm toàn bộ cơ sở vật chất và trang thiết bị do Hội tạo dựng từ nhiều nguồn để phục vụ hoạt động của Hội.

Điều 19. Quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của Hội

Tài sản, tài chính của Hội được quản lý, sử dụng đúng mục đích, minh bạch, công khai, tiết kiệm theo quy chế quản lý tài sản, tài chính của Hội.

Chương VII KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 20. Khen thưởng

Các hội viên có thành tích xuất sắc trong các hoạt động của Hội được Ban Chấp hành Hội xét khen thưởng. Trường hợp hội viên có thành tích đặc biệt sẽ được Hội đề nghị cơ quan có thẩm quyền khen thưởng.

Điều 21. Kỷ luật

Các hội viên vi phạm Điều lệ, Nghị quyết và các quy định của Hội, lợi dụng danh nghĩa Hội làm tổn hại đến danh dự, uy tín của Hội thì tùy tính chất mức độ sai phạm sẽ bị xử lý kỷ luật bằng các hình thức: khiển trách, cảnh cáo hoặc khai trừ ra khỏi Hội.

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Chỉ có Đại hội của Hội mới được quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được hơn 1/2 số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành. 

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ này gồm 8 Chương, 23 Điều đã được Đại hội Hội Người mù huyện Tuy Phước lần thứ II, nhiệm kỳ 2017 - 2022 thông qua ngày 22 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Căn cứ quy định pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Người mù huyện Tuy Phước có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.



Nguyễn Tuấn Thanh